

**ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TỈNH CAO BẰNG**

**TÀI LIỆU SINH HOẠT CHI ĐOÀN THÁNG 02/2024**

**A. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**

**1. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về Đảng và Đảng viên**

Chủtịch Hồ Chí Minh đã có nhiều bài nói và viết về Đảng, vai trò, nhiệm vụ của Đảng và mỗi Đảng viên trước nhân dân, Tổ quốc, dân tộc. Dưới đây là những lời trích của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về Đảng và Đảng viên:

“Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

*(Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1995, tập 12, tr 510).*

“Đảng không phải là nơi để thăng quan, tiến chức, để phát tài. Vào Đảng là để phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, đảng viên phải trở thành người con hiếu thảo của Tổ quốc, của giai cấp”.

*(Sđd, tập 8, tr.34).*

“NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”.

*(Sđd, tập 5, tr.698)*

“Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: Đảng ta thật là vĩ đại!”

*(Sđd, tập 10, tr 2)*

“Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”.

*(Sđd, tập 12, tr 510)*

“Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh chỉ như một người”.

*(Sđd, tập 5, tr.553)*

“Sức mạnh của Đảng là ở sự đoàn kết nhất trí. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối và chính sách của Đảng, tôn trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng”.

*(Sđd, tập 11, tr.23)*

“Đảng ta thành tích khá nhiều, nhưng khuyết điểm cũng không ít. Chúng ta cần phải thật thà tự phê bình để sửa chữa. Phải cố sửa chữa để tiến bộ”.

*(Sđd, tập 6, tr.166)*

“Phải thường xuyên nghiêm chỉnh phê bình và thật thà tự phê bình để giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, để cùng nhau tiến bộ. Làm cách mạng thì có đúng có sai. Cố nhiên đúng phải là chính, sai là phụ. Có sai thì chúng ta giúp nhau kiên quyết sửa chữa và cùng nhau hăng hái tiến lên”.

*(Sđd, tập 11, tr. 154)*

“Chi bộ là gốc rễ của Đảng ở trong quần chúng. Chi bộ tốt thì mọi chính sách của Đảng đều được thi hành tốt, mọi công việc đều tiến bộ không ngừng. Trái lại, nếu chi bộ kém thì công việc không trôi chảy”.

*(Sđd, tập 11, tr.161)*

“Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước. Đồng chí ta nhiều người đã làm được nhưng vẫn còn những người hủ hóa. Đảng có trách nhiệm gột rửa cho các đồng chí đó”.

*(Sđd, tập 5, tr.552)*

“Đạo đức cách mạng là hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng”.

*(Sđd, tập 9, tr290)*

“Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác. Cho nên Đảng phải ra sức tổ chức nhân dân, lãnh đạo nhân dân để giải phóng nhân dân và để nâng cao sinh hoạt, văn hóa, chính trị của nhân dân”.

*(Sđd, tập 5, tr.250)*

“Đảng là đội tiên phong của giai cấp và dân tộc. Để làm tròn nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, Đảng phải mạnh, toàn Đảng tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí. Cho nên chỉnh Đảng là việc chính, phải đặc biệt chú trọng”…

*( Sđd, tập 6, tr.463)*

Những bài nói và viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng, về đạo đức cách mạng mãi mãi là những lời dạy quý báu cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

***Nguồn: Thông tin tư liệu (TTXVN)***

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**2. Chiếc đồng hồ - Bài học về sự đoàn kết**

Giữa mùa thu năm 1954, Bác đến dự Hội nghị rút kinh nghiệm cải cách ruộng đất ở Hà Bắc. Tại hội nghị, được biết có lệnh của Trung ương rút bớt một số cán bộ đi học lớp tiếp quản thủ đô. Ai nấy cũng đều háo hức muốn đi, nhất là những người quê ở Hà Nội. Bao năm xa nhà, nhớ thủ đô, nay được dịp về công tác, ai ai cũng có nguyện vọng được đề nghị cấp trên chiếu cố. Tư tưởng cán bộ dự hội nghị có nhiều phân tán. Ban lãnh đạo ít nhiều thấy khó xử. Lúc đó, Bác lên diễn đàn, giữa mùa thu nhưng trời vẫn còn nóng, mồ hôi ướt đẫm hai bên vai áo nâu của Bác, Bác hiền từ nhìn khắp hội trường và nói chuyện về tình hình thời sự. Khi nói đến nhiệm vụ của toàn Đảng trong lúc này, Bác bỗng rút trong túi áo giơ ra một chiếc đồng hồ quả quýt và hỏi các đồng chí cán bộ trong hội trường từng câu hỏi về chức năng của từng bộ phận trong chiếc đồng hồ. Ai cũng đồng thanh trả lời đúng hết các câu hỏi của Bác. Đến câu hỏi:

- Trong cái đồng hồ, bộ phận nào là quan trọng? Khi mọi người còn đang suy nghĩ thì Bác lại hỏi:

- Trong cái đồng hồ, bỏ một bộ phận đi có được không?

- Thưa không được ạ.

Nghe mọi người trả lời, Bác bèn giơ cao chiếc đồng hồ lên và kết luận:

- Các chú ạ, các bộ phận của một chiếc đồng hồ cũng ví như các cơ quan của một Nhà nước, như các nhiệm vụ của cách mạng. Đã là nhiệm vụ của cách mạng thì đều là quan trọng, điều cần phải làm. Các chú thử nghĩ xem: trong một chiếc đồng hồ mà anh kim đòi làm anh chữ số, anh máy lại đòi ra ngoài làm cái mặt đồng hồ… cứ tranh nhau chỗ đứng như thế thì còn là cái đồng hồ được không?

Chỉ trong ít phút ngắn ngủi, câu chuyện chiếc đồng hồ của Bác đã khiến cho ai nấy đều thấm thía, tự đánh tan được những suy nghĩ riêng tư của mình.

Cũng chiếc đồng hồ ấy, một dịp vào cuối năm 1954 Bác đến thăm một đơn vị pháo binh đóng ở Bạch Mai đang luyện tập để chuẩn bị cho cuộc duyệt binh đón mừng chiến thắng Điện Biên Phủ. Sau khi đi thăm nơi ăn, chốn ở của bộ đội, Bác đã dành một thời gian dài để nói chuyện với anh em. Bác lấy ở túi ra một chiếc đồng hồ quả quýt, âu yếm nhìn mọi người rồi chỉ vào từng chiếc kim, từng chữ số và hỏi anh em về tác dụng của từng bộ phận. Mọi người đều trả lời đúng cả. Song chưa ai hiểu tại sao Bác lại nói như vậy?

Bác vui vẻ nói tiếp: “Đã bao nhiêu năm nay, chiếc kim đồng hồ vẫn chạy để chỉ cho ta biết giờ giấc, chữ số trên mặt vẫn đứng yên một chỗ, bộ máy vẫn hoạt động đều đặn bên trong. Tất cả đều nhịp nhàng làm việc theo sự phân công ấy”, nếu hoán đổi vị trí từng bộ phận cho nhau thì có còn là chiếc đồng hồ nữa không!

Sau câu chuyện của Bác, ai nấy đều hiểu ý Bác dạy: Việc gì cách mạng phân công phải yên tâm hoàn thành. Và Bác đã mượn hình ảnh chiếc đồng hồ quả quýt làm ví dụ để giáo dục, động viên những kỹ sư trẻ trường Đại học Nông lâm Hà Nội vào dịp dến thăm trường ngày 24/5/1959, khi Bác đang khuyên sinh viên phải yên tâm cố gắng học tập, Bác cũng lấy trong túi ra chiếc đồng hồ quả quýt và hỏi mọi người từng bộ phận của đồng hồ, từ cái kim giờ, kim phút, kim giây đến các bộ phận máy và bánh xe bên trong đồng hồ.

Sau đó, Bác kết luận rằng mỗi một bộ phận có chức năng làm việc riêng, có thể người ngoài không thấy được nhưng đều có nhiệm vụ làm cho đồng hồ chạy và chỉ đúng giờ. Ngoài xã hội cũng vậy sau khi học xong ra phục vụ các ngành nghề đều ngang như nhau, không ai cao sang hơn ai, cho nên các cháu phải cố gắng yên tâm học tập, học tập cho thật giỏi đề trở thành kỹ sư nông nghiệp giỏi phục vụ nền nông nghiệp nước nhà. Đến ngày nay, câu chuyện về chiếc đồng hồ đã được Giáo sư - Tiến sỹ Vũ Hoan, Chủ tịch Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Hà Nội, người sinh viên trường Đại học Nông lâm Hà Nội khi xưa, được vinh dự gặp Bác vào lần đó, kể lại và truyền động lực cho những kỹ sư của thế hệ này.

Chiếc đồng hồ quả quýt còn là một hiện vật vô giá thể hiện tình cảm Quốc tế đối với Bác, đó là chiếc đồng hồ do Tổ chức Quốc tế “Cứu Tế đỏ” tặng, Bác luôn giữ nó trong mình, trong những năm tháng bị cầm tù gian khổ cho đến ngày Việt Nam giành được độc lập.

***\*Bài học kinh nghiệm:***

- Đối với cơ quan, đơn vị, chi đoàn chúng ta cũng vậy, cũng giống như một chiếc đồng hồ, mỗi cá nhân là một bộ phận không thể thiếu. Tất cả đều có một nhiệm vụ riêng, dù lớn dù nhỏ nhưng đó đều là một phần quan trọng trong một tổ hợp tập thể, mỗi nhiệm vụ như một mắt xích nối lại với nhau. Để tạo nên một mối nối thật sự vững chắc thì mỗi chúng ta - một mắt xích phải thật sự đoàn kết, nổ lực, cố gắng phát huy khả năng của mình, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Việc suy bì, tính toán thiệt hơn về quyền lợi, trách nhiệm hay lánh nặng tìm nhẹ thì sẽ dẫn đến mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng đến nhiệm vụ chung của cả một tập thể.

- Từ câu chuyện chiếc đồng hồ, Bác đã gợi lên trong mỗi người nhận thức về một bài học quý giá. Đó là hiện vật vô giá về tình đoàn kết trong mỗi đơn vị, trong một quốc gia và tình đoàn kết quốc tế. Đoàn kết để ổn định, để đổi mới, sáng tạo và để làm nên tất cả bởi lẽ “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công”.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**B. Theo dòng lịch sử**

**I. Kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam *(03/02/1930 – 03/02/2024)***

**1. Bối cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam**

Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến sâu sắc. Trên thế giới, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa đế quốc. Các nước tư bản đế quốc gia tăng các hoạt động xâm lược và áp bức nhân dân các dân tộc thuộc địa. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt. Bên trong các nước tư bản thì tăng cường bóc lột nhân dân lao động, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, chủ nghĩa Mác-Lênin từ lý luận trở thành hiện thực, là nguồn cổ vũ to lớn cho các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Tháng 3/1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) ra đời thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta và thi hành chính sách cai trị thực dân ở Việt Nam, biến nước ta từ một quốc gia phong kiến thành một xứ thuộc địa nửa phong kiến, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác. Chính sách thống trị của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi sâu sắc.

Thực dân Pháp cấu kết với giai cấp địa chủ để thực hiện chính sách bóc lột tàn bạo, cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền; ra sức vơ vét tài nguyên, cùng nhiều hình thức thuế khóa nặng nề và tiến hành chính sách ngu dân. Các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội Việt Nam đều mang thân phận người dân mất nước và đều bị thực dân áp bức, bóc lột, chèn ép nên đều căm phẫn thực dân Pháp. Do đó, mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam lúc này là mâu thuẫn giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ và phong kiến; mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.

Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, các cuộc khởi nghĩa và các phong trào đấu tranh của nhân dân ta diễn ra liên tục và mạnh mẽ như phong trào Cần Vương, khởi nghĩa Yên Bái, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh… nhưng đều chưa thành công. Xã hội Việt Nam rơi vào khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước.

**2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**

Dân tộc ta đứng trước cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, nhiều nhà yêu nước đương thời tiếp tục con đường cứu nước theo lối cũ. Ngày 05/6/1911, Nguyễn Tất Thành (tức là Nguyễn Ái Quốc, chủ tịch Hồ Chí Minh sau này) ra đi tìm đường cứu nước theo phương hướng mới.

Qua quá trình bôn ba đến nhiều nước, Nguyễn Ái Quốc nghiên cứu nhiều cuộc cách mạng, nhiều lý thuyết cách mạng trên thế giới để tìm đường cứu nước cho dân tộc ta. Đến tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin đăng trên báo Nhân đạo (L'Humanité) của Pháp và cũng chính từ đây đã giải đáp cho Người con đường đấu tranh giành độc lập tự do thực sự cho dân tộc, cho đồng bào mình, Người khẳng định: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất chính là chủ nghĩa Lênin”.

Tháng 12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp với tư cách đại biểu Đông Dương, đã bỏ phiếu tán thành thành lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người Cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Giai đoạn 1921 - 1930, Nguyễn Ái Quốc vừa tiếp tục hoạt động trong Đảng Cộng sản Pháp, nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện tư tưởng cứu nước, vừa tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Người tập trung chuẩn bị về tổ chức và cán bộ, lập ra Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (1925), tổ chức nhiều lớp đào tạo cán bộ tại Quảng Châu (Trung Quốc), đồng thời gửi cán bộ đi học tại trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường Lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc).

Như vậy, từ bối cảnh quốc tế, trong nước việc tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc ta, tìm ra lý luận cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc và công tác chuẩn bị về tổ chức, cán bộ mà từ cuối năm 1929, đầu năm 1930, những điều kiện cho sự ra đời của một Đảng vô sản ở Việt Nam đã chín muồi.

**3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**

Nhằm đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn cách mạng, từ tháng 6/1929 đến tháng 01/1930 ở Việt Nam lần lượt xuất hiện 3 tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên Đoàn. Tuy nhiên ở một nước có tới 3 tổ chức cộng sản nên không tránh khỏi sự phân tán về lực lượng và tổ chức, khó thống nhất về tư tưởng và hành động. Yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam là cần phải thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp ở bán đảo Cửu Long thuộc Hồng Kông (Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thông qua các văn kiện: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng và Lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam gửi đến công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và tất cả đồng bào bị áp bức, bóc lột nhân dịp thành lập Đảng. Trong đó, Chánh cương vắn tắt của Đảng và Sách lược vắn tắt của Đảng phản ánh nội dung cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản có ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng.

Sau này tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) quyết nghị lấy ngày 03/02 dương lịch mỗi năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là thành quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó là kết quả của sự vận động, phát triển và thống nhất phong trào cách mạng trong cả nước; sự chuẩn bị công phu về mọi mặt của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và sự đoàn kết nhất trí của các chiến sỹ tiên phong vì lợi ích của giai cấp, của dân tộc.

**4. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là một bước ngoặt vô cùng quan trọng của lịch sử cách mạng Việt Nam, quyết định sự phát triển của dân tộc, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã mở ra thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam - thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ra đời, đã xác định được những nội dung cơ bản nhất của con đường cách mạng Việt Nam; đáp ứng được những nhu cầu bức thiết của lịch sử và trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết thống nhất các tổ chức cộng sản, các lực lượng cách mạng và toàn thể dân tộc Việt Nam.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam và qua 94 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, toàn dân tộc Việt Nam, lấy lý luận chủ nghĩa Mac-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho hành động đã lãnh đạo nhân dân ta, dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đúng như nhận định của đồng chí Nguyễn Phú Trọng - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”./.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**II. Kỷ niệm 117 năm ngày sinh Tổng Bí thư Trường Chinh *(09/02/1907 – 09/02/2024)***

Đồng chí Trường Chinh tên thật là Đặng Xuân Khu, sinh ngày 09/02/1907 ở làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định trong một gia đình có truyền thống văn hóa giáo dục cơ bản. Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 18 tuổi, truyền thống gia đình, quê hương, đất nước đã góp phần hun đúc tình cảm, lý tưởng cách mạng của đồng chí Trường Chinh.

Trong những năm từ 1925 đến năm 1939, lúc hoạt động ở ngoài cũng như khi bị giam trong ngục tù, đồng chí đem hết nghị lực, trí tuệ và nhiệt tình cách mạng tham gia truyền bá chủ trương, đường lối của Đảng, góp phần bồi dưỡng lý luận và tinh thần cách mạng cho đông đảo cán bộ và nhân dân, trong đó có nhiều người đã trở thành nhân vật cốt cán của cách mạng. Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai bùng nổ, địch tăng cường khủng bố, hầu hết các Ủy viên Trung ương bị bắt, bị giết, nhiều tổ chức đảng và quần chúng bị phá vỡ. Ban Chấp hành Trung ương lâm thời do Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (11/1940) cử ra chỉ còn lại 3 người.

Với cương vị quyền Tổng Bí thư ở giai đoạn cực kỳ khó khăn này, đồng chí đã cử cán bộ đi chắp nối liên lạc, khôi phục tổ chức, cử người sang Quảng Tây (Trung Quốc) đón lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước. Nhờ vậy, phong trào cách mạng dần được khôi phục và củng cố, chuẩn bị cho cao trào cách mạng giai đoạn 1939 - 1945.

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5/1941), đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau Hội nghị, đồng chí rời Pác Bó (Cao Bằng) về xuôi trực tiếp chỉ đạo phong trào, đề ra sáng kiến lập hệ thống liên hoàn các An toàn khu. Từ tháng 8/1942 đến tháng 9/1944, lãnh tụ Hồ Chí Minh đi Trung Quốc và bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam, đồng chí Hoàng Văn Thụ bị địch bắt và xử bắn, đồng chí Hoàng Quốc Việt được cử đi công tác nước ngoài. Trách nhiệm to lớn của Đảng và cách mạng gần như đặt lên vai một mình Tổng Bí thư Trường Chinh. Nhưng với trí tuệ thông minh, sắc sảo, khả năng ứng phó nhanh nhạy, đồng chí cùng với Trung ương có những quyết định quan trọng đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên những bước nhảy vọt.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, quan điểm của Đảng về cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, được đồng chí Trường Chinh giải thích và phát triển trong tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi”. Từ những chủ trương, đường lối đúng đắn đó, cùng với thực tiễn sinh động, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta đã giành thắng lợi to lớn, ghi dấu ấn đậm nét trong lịch sử của dân tộc ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, với cương vị là Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, rồi sau đó là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí đã cùng tập thể Bộ Chính trị có những đóng góp to lớn vào việc chuẩn bị và đưa ra những quyết sách chiến lược, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tới thắng lợi hoàn toàn. Giai đoạn cả nước thống nhất đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội, cống hiến đặc biệt quan trọng của đồng chí Trường Chinh là đã đặt nền móng cho công cuộc đổi mới.

Năm 1986, ở cương vị Tổng Bí thư, đồng chí đã sớm nhận rõ được xu thế của thời đại, thực trạng của đất nước, yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân và đề ra chủ trưởng đổi mới. Vì vậy, Đại hội Đảng lần thứ VI trở thành Đại hội đổi mới, đánh dấu một mốc son mới trong lịch sử Cách mạng Việt Nam, một bước ngoặt trong tư duy lý luận của Đảng ta.

Đánh giá về công lao của đồng chí Trường Chinh, điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI đã nêu: “Dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, trên cương vị là Tổng Bí thư của Đảng, từ năm 1941, cùng với Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, đồng chí đã có nhiều quyết sách đúng đắn, sáng tạo, nhất là trong những bước ngoặt của cách mạng, vai trò của đồng chí nổi bật là một trong những người lãnh đạo kiệt xuất đã đưa cuộc Cách mạng Tháng Tám đến thành công và đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi cuối cùng”.

**Nhà lý luận sắc sảo, nhà văn hóa lớn**

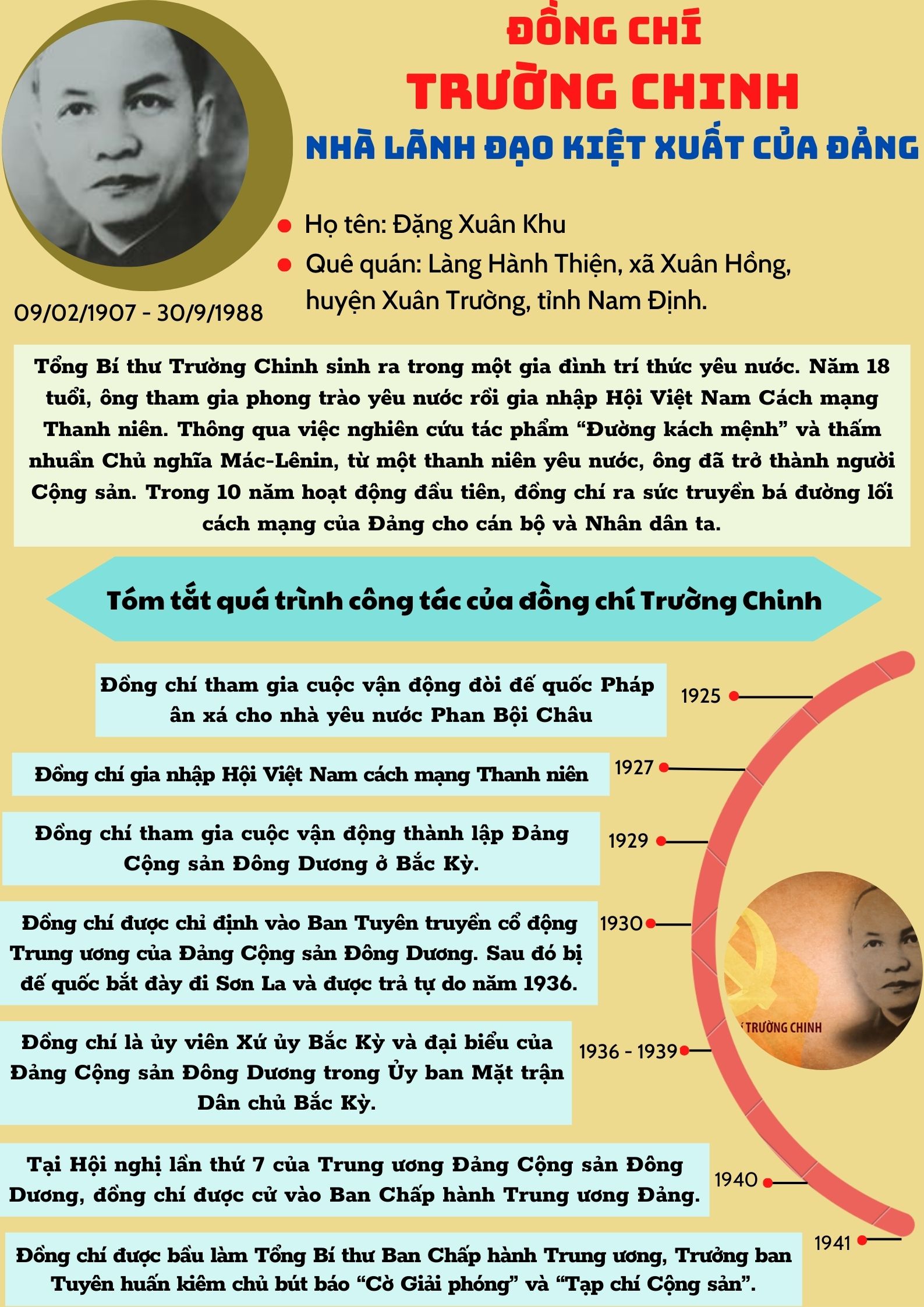
Đồng chí Trường Chinh là một trong những nhà lý luận chiến lược của Cách mạng Việt Nam, để lại nhiều tác phẩm có giá trị: Chống chủ nghĩa Cải lương (1935); Vấn đề dân cày (Viết chung với đồng chí Võ Nguyên Giáp năm 1937-1938); Chính sách mới của Đảng (1991); Kháng chiến nhất định thắng lợi (1947)…Thông qua những tác phẩm đó, đồng chí đã làm rõ nhiều vấn đề lý luận, đóng góp quan trọng vào kho tàng lý luận cách mạng Việt Nam.

Không chỉ là một nhà lý luận văn hóa, nhà lãnh đạo văn hóa, bản thân đồng chí Trường Chinh đã thể hiện những phẩm chất toàn diện của một nhân cách văn hóa lớn. Ở mỗi chặng đường lịch sử, trước mỗi thử thách của cách mạng, đồng chí Trường Chinh đều đánh giá đúng tình hình, nêu lên trách nhiệm cụ thể của văn hóa. Hàng loạt tác phẩm cùng các bài viết của đồng chí tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh những quan điểm đúng đắn, sắc bén và sáng tạo của Đảng ta trong việc vận dụng Chủ nghĩa Mác-Lênin vào văn hóa và nghệ thuật Việt Nam. Nổi bật nhất là Đề cương văn hóa Việt Nam; Báo cáo về Chủ nghĩa Mác và Văn hóa Việt Nam, Báo cáo được đọc tại các Đại hội Văn nghệ toàn quốc.

Đồng chí còn là nhà báo cách mạng nổi tiếng với nhiều bài viết sắc sảo, có sự kế tục sự nghiệp báo chí Nguyễn Ái Quốc, tạo nên văn phong chính luận có tính chiến đấu cao, có sức thuyết phục lớn, ảnh hưởng sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Đồng chí còn là nhà thơ với bút danh Sóng Hồng và có gần 70 bài nổi tiếng, thể hiện cảm xúc của tác giả trước hầu hết các sự kiện của đất nước bằng một tâm hồn luôn luôn lạc quan, tin tưởng ở tiền đồ xán lạn của Cách mạng. Thơ Sóng Hồng đã trở thành vũ khí đấu tranh giai cấp kỳ diệu, không thể tách rời với Cách mạng.

Ở đồng chí Trường Chinh, nhà chính trị, nhà tư tưởng, nhà lý luận, nhà hoạt động văn hóa, nhà báo, nhà thơ đã quyện với nhau. Đó là sự thể hiện một cách sinh động lương tâm, trí tuệ và tình cảm cách mạng cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản, của nhà lãnh đạo cách mạng của Đảng theo Chủ nghĩa Mác-Lênin.

Kỷ niệm 117 năm ngày sinh đồng chí Trường Chinh là dịp để chúng ta ôn lại cuộc đời, sự nghiệp và những cống hiến to lớn của đồng chí Trường Chinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Noi gương đồng chí Trường Chinh chúng ta nguyện một lòng đi theo con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã chọn, không ngừng rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng, đoàn kết, nhất trí, phấn đấu vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”./.





***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**III. Kỷ niệm 45 năm ngày chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc Tổ quốc 1979 (17/02/1979 – 17/02/2024)**

Ngày 17/02/1979, thực hiện kế hoạch vạch ra từ trước, nhà cầm quyền Trung Quốc đã phát động cuộc tiến công quy mô lớn xâm phạm lãnh thổ Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc từ Phong Thổ (Lai Châu) đến Móng Cái (Quảng Ninh). Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân và dân Việt Nam anh dũng chiến đấu, chống trả quyết liệt. Chịu nhiều tổn thất mà chưa đạt được mục tiêu ban đầu đề ra, đồng thời bị dư luận thế giới lên án mạnh mẽ do tính chất phi nghĩa của cuộc tiến công, phía Trung Quốc cơ bản rút hết quân về nước vào ngày 18/3/1979.

**Cuộc chiến tranh phi nghĩa của phía Trung Quốc**

Trung Quốc là nước láng giềng của Việt Nam. Trong quá trình đấu tranh cách mạng, nhân dân hai nước gắn bó mật thiết, đoàn kết giúp đỡ nhau. Nhưng sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thắng lợi (1975), quan hệ hai nước dần xấu đi. Đầu năm 1979, khi Quân đội nhân dân Việt Nam tiến công đánh đổ quân phản động Pol Pot, giúp đỡ nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng, mở ra công cuộc hồi sinh đất nước, chính quyền Trung Quốc cùng một số nước khác ra sức tuyên truyền xuyên tạc sự xuất hiện của Quân tình nguyện Việt Nam trên lãnh thổ Campuchia. Mục đích của họ là muốn chống phá cách mạng Việt Nam, hậu thuẫn cho các thế lực phản động để mưu toan áp đặt lợi ích dân tộc của họ trên bán đảo Đông Dương. Trong khi đó, bối cảnh quốc tế lúc này đang có những diễn biến rất phức tạp khi mâu thuẫn Liên Xô - Trung Quốc gia tăng căng thẳng; quan hệ Trung Quốc - Mỹ tiếp tục có sự cải thiện và cả hai đều coi Liên Xô là “kẻ thù số 1”.

Sau nhiều lần gây ra các vụ khiêu khích quân sự quy mô nhỏ, từ ngày 17/02/1979, phía Trung Quốc đã huy động 60 vạn quân, trên 500 xe tăng, xe bọc thép; hàng ngàn khẩu pháo các loại... mở cuộc tiến công xâm phạm lãnh thổ Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc từ Phong Thổ (Lai Châu) đến Móng Cái (Quảng Ninh), trong đó hướng tiến công chủ yếu là Cao Bằng - Lạng Sơn; hướng tiến công quan trọng là Lào Cai (Hoàng Liên Sơn); hướng phối hợp là Phong Thổ (Lai Châu); hướng nghi binh thu hút lực lượng là Quảng Ninh, Hà Tuyên.

Mở cuộc tiến công xuống biên giới phía Bắc Việt Nam, các nhà cầm quyền Trung Quốc hướng đến những mục tiêu cơ bản:

*Thứ nhất,* buộc Việt Nam phải rút Quân tình nguyện ra khỏi Campuchia, tạo điều kiện cho quân Pol Pot hồi phục lực lượng, giữ được những căn cứ còn lại, tiếp tục chống phá chính quyền cách mạng Campuchia vừa thiết lập.

*Thứ hai,* tranh thủ sự ủng hộ của một số nước lớn đang chống phá cách mạng Việt Nam (trong đó có Mỹ) để giúp Trung Quốc thực hiện “bốn hiện đại hóa” (nông nghiệp, công nghiệp, quân đội, khoa học - kỹ thuật).

*Thứ ba,* phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, kích động bạo loạn, hạ uy thế quân sự, chính trị của Việt Nam trên trường quốc tế sau chiến thắng đế quốc Mỹ xâm lược năm 1975.

*Thứ tư,* thị uy sức mạnh đối với các nước trong khu vực Đông Nam Á; đồng thời thăm dò phản ứng của Liên Xô và dư luận thế giới để chuẩn bị cho những bước phiêu lưu quân sự sau này.

Bộ Chỉ huy phía Trung Quốc chủ quan nhận định: với lực lượng, vũ khí trang bị chiếm ưu thế áp đảo hiện tại (bộ binh đông hơn gấp 3,5 lần; pháo binh nhiều gấp 5,7 lần; xe tăng, thiết giáp nhiều gấp 9,8 lần…), quân Trung Quốc sẽ nhanh chóng đập tan hệ thống phòng thủ biên giới của Việt Nam; mặt khác, một bộ phận lớn Quân đội Việt Nam đang thực hiện nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, lực lượng tăng cường cho mặt trận biên giới sẽ gặp nhiều khó khăn. Từ nhận định đó, Bộ Chỉ huy phía Trung Quốc đề ra kế hoạch là nhanh chóng đánh chiếm một số thị xã, địa bàn quan trọng, sau đó tùy điều kiện tình hình cụ thể có thể phát triển sâu vào nội địa Việt Nam. Trên mỗi hướng tiến công, quân Trung Quốc thường kết hợp đánh chính diện với thọc sâu, bao vây, chia cắt; phối hợp giữa bộ binh, xe tăng, xe bọc thép và pháo binh, thực hiện đánh phá triệt để toàn diện rất tàn khốc. Tuy nhiên, trên thực tế, quân Trung Quốc đã gặp phải sự giáng trả quyết liệt từ phía Việt Nam.

**Quyền tự vệ chính đáng của nhân dân Việt Nam**

Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi (năm 1975), nhiều đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Nhà nước Việt Nam (trong đó có cả Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Duẩn) sang thăm Trung Quốc, khẳng định: Việt Nam luôn ghi nhớ và biết ơn sâu sắc Đảng, Nhà nước và nhân dân Trung Quốc về sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn cả về chính trị, vật chất lẫn tinh thần trong hai cuộc kháng chiến cứu nước; phía Việt Nam luôn coi trọng việc giữ gìn quan hệ láng giềng hữu nghị hợp tác với Trung Quốc.

Cuối năm 1978 đầu năm 1979, khi quan hệ hai nước căng thẳng, xung đột vũ trang nhỏ lẻ ở biên giới liên tục diễn ra, phía Việt Nam vẫn kiên trì kêu gọi Chính phủ Trung Quốc cùng nhau đàm phán giải quyết mọi mâu thuẫn, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Đáp lại thiện chí đó, phía Trung Quốc vẫn chủ trương tiến hành đường lối chống Việt Nam, cắt toàn bộ viện trợ đã cam kết, đưa ra những đòi hỏi vô lý khi đàm phán (Việt Nam rút Quân tình nguyện khỏi Campuchia, có quy chế riêng bảo đảm quyền lợi người Việt gốc Hoa ở miền Nam Việt Nam...). Mặt khác, Chính phủ Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền vu cáo “Việt Nam xâm lược Campuchia”, “Việt Nam lấn chiếm đất đai, quấy rối biên cương phía Nam Trung Quốc” nhằm đánh lạc hướng dư luận trong và ngoài nước, từ đó ngang ngược tuyên bố “dạy cho Việt Nam một bài học”.

Lường định về một cuộc chiến tranh có thể xảy ra, cuối năm 1978, Trung ương Đảng, Chính phủ Việt Nam khẩn trương tăng cường lực lượng củng cố tuyến phòng thù biên giới phía Bắc. Trước cuộc tiến công quy mô lớn của Trung Quốc, ngày 17/02/1979, Chính phủ Việt Nam ra tuyên bố nêu rõ: Nhà cầm quyền Trung Quốc đang đi ngược lại lợi ích của nhân dân, phá hoại nghiêm trọng tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân hai nước, đồng thời khẳng định quân và dân Việt Nam không có con đường nào khác là thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình để đánh trả.

Trong những ngày đầu chiến tranh, phía Việt Nam chủ trương không tập trung lực lượng dự bị chiến lược vào quyết chiến sớm, cũng không vội rút lực lượng chủ lực cơ động phía Nam ra, mà phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân địa phương, sử dụng lực lượng tại chỗ của Quân khu 1, Quân khu 2 là chính, có sự bổ sung một bộ phận lực lượng từ tuyến sau lên tăng cường.

Trải qua 10 ngày chiến đấu, các lực lượng vũ trang Quân khu 1, Quân khu 2 và nhân dân Việt Nam tại các tỉnh biên giới phía Bắc đã chiến đấu rất anh dũng, tiêu diệt nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, làm chậm ý định đánh nhanh, chiếm nhanh của quân Trung Quốc, buộc đối phương phải tung lực lượng dự bị chiến lược vào tham chiến. Với ưu thế quân đông, nhiều vũ khí trang bị kỹ thuật, quân Trung Quốc từng bước tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam, lần lượt chiếm một số địa bàn, thị xã quan trọng như: Lào Cai (19/02), Cao Bằng (24/02), Cam Đường (25/02), Lạng Sơn (05/3)...

Trước tình hình cấp bách đó, Chính phủ Việt Nam quyết định sử dụng các binh đoàn chủ lực mạnh, sẵn sàng mở những chiến dịch phản công quy mô lớn của binh chủng hợp thành. Theo phương châm đó, đầu tháng 3/1979, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng Việt Nam ra lệnh cho Quân đoàn 2 đang làm nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia nhanh chóng chuyển toàn bộ lực lượng về phía Bắc tập kết, đồng thời, ra quyết định thành lập Quân đoàn 5 (ngày 02/3/1979) ngay tại mặt trận biên giới (gồm bốn sư đoàn bộ binh: 3, 338, 327, 337 cùng một số đơn vị kỹ thuật và bảo đảm khác). Các đơn vị chủ lực của Quân đoàn 1, Quân chủng Phòng không - Không quân và các binh chủng kỹ thuật khác sẵn sàng tham gia chiến đấu. Để phát huy sức mạnh tổng hợp cả nước, ngày 04/3/1979, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam ra quyết định tổng động viên lực lượng bảo vệ Tổ quốc. Kế hoạch tác chiến chiến lược được bổ sung thảo luận thông qua.

Vào thời gian này, do bị thiệt hại nặng nề mà chưa đạt được mục tiêu cơ bản đề ra, lại bị dư luận quốc tế lên án mạnh mẽ, tối 05/3/1979, chính quyền Trung Quốc tuyên bố rút quân về nước. Để tỏ thiện chí hòa bình, mong muốn khôi phục quan hệ hữu nghị giữa hai nước, Trung ương Đảng, Chính phủ Việt Nam ra lệnh cho các lực lượng vũ trang và nhân dân trên vùng biên giới phía Bắc dừng chiến dịch phản công để tạo điều kiện cho quân Trung Quốc rút về. Đến ngày 18/3/1979, Trung Quốc hoàn thành việc rút quân khỏi Việt Nam.

**Thắng lợi và bài học lịch sử**

Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của nhân dân Việt Nam diễn ra trong vòng khoảng một tháng (từ 17/02 – 18/3/1979) nhưng có ý nghĩa thắng lợi rất to lớn, thể hiện ở một số khía cạnh cơ bản:

Quân dân Việt Nam đã loại khỏi vòng chiến đấu 62.500 quân Trung Quốc, bắn cháy và phá hủy 550 xe quân sự, trong đó có 280 xe tăng, xe thiết giáp, phá hủy 115 khẩu pháo và cối hạng nặng, thu nhiều vũ khí, đồ dùng quân sự... buộc đối phương sớm rút quân, qua đó làm thất bại hoàn toàn ý đồ của các nhà cầm quyền Trung Quốc muốn áp đặt lợi ích nước lớn lên bán đảo Đông Dương.

Cuộc chiến đấu này thêm một lần nữa khẳng định ý chí, sức mạnh bền bỉ của nhân dân Việt Nam quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách để bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, bởi Việt Nam lúc này vừa kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ chưa lâu (1975), vừa kết thúc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và đang làm nhiệm vụ quốc tế giúp đỡ nhân dân Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng Pol Pot, thực hiện công cuộc hồi sinh đất nước, kinh tế lại đang gặp rất nhiều khó khăn do cấm vận của Mỹ...

Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của nhân dân Việt Nam góp phần khẳng định đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, sự chỉ đạo chiến lược tài tình, sắc bén của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương Việt Nam, nhất là trong việc nắm bắt tình hình, đánh giá đúng khả năng hành động của đối phương, trên cơ sở đó kịp thời chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang và nhân dân chuẩn bị các mặt sẵn sàng đối phó; tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc.

Qua thực tiễn điều hành, chỉ đạo chiến tranh, Trung ương Đảng và Chính phủ Việt Nam luôn khẳng định về quyền tự vệ chính đáng của mình, kiên quyết đánh trả mọi cuộc tiến công xâm phạm chủ quyền, nhưng đồng thời cũng luôn thể hiện rõ lòng bao dung, khát vọng hòa bình, mong muốn chấm dứt xung đột để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa hai dân tộc Việt Nam - Trung Quốc, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực cũng như trên thế giới.

Để giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh, nhân dân Việt Nam cũng chịu những tổn thất nặng nề: hơn 30.000 cán bộ, chiến sĩ thương vong; hàng chục ngàn dân thường bị thiệt mạng. Các thị xã Cao Bằng, Lạng Sơn, Cam Đường, Lào Cai gần như bị hủy diệt hoàn toàn; tổng cộng có 320 xã, 735 trường học, 41 nông trường, 81 xí nghiệp, hầm mỏ và 38 lâm trường bị tàn phá; 400.000 gia súc bị giết, bị cướp. Khoảng 50% trong tổng số 3,5 triệu người ở 6 tỉnh biên giới bị mất nhà cửa, tài sản và phương tiện sinh sống.

Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc 1979 là sự kiện lịch sử đặc biệt, để lại cho cách mạng Việt Nam nhiều bài học quý báu:

*Một là,* nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nắm chắc tình hình, dự đoán chính xác âm mưu và hành động của các bên liên quan, nhất là động thái các nước lớn, trên cơ sở đó có sự chuẩn bị toàn diện, không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống.

*Hai là,* giữ vững đường lối độc lập, tự chủ, tự cường, kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị, quân sự với đấu tranh ngoại giao để vừa phát huy sức mạnh tổng hợp trong nước, vừa nêu cao tính chính nghĩa của cách mạng nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ quốc tế, không để các thế lực thù địch xuyên tạc hòng tìm cách cô lập.

*Ba là,* xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, trên cơ sở đó phát huy sức mạnh chiến tranh nhân dân địa phương, đặc biệt là sức mạnh của lực lượng vũ trang tại chỗ (bộ đội chủ lực quân khu, bộ đội địa phương tỉnh, huyện, dân quân du kích) kết hợp với sức mạnh hậu phương cả nước tạo thành những “trường thành thép” sẵn sàng đánh trả có hiệu quả mọi cuộc tiến công từ bên ngoài ngay thời gian đầu.

*Bốn là,* vận dụng sáng tạo nghệ thuật quân sự truyền thống Việt Nam (lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều) với nghệ thuật quân sự hiện đại (phương thức tác chiến chính quy), đồng thời biết khai thác, phát huy tư tưởng nhân văn “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo” của cha ông thuở trước kết hợp với chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh./.

***Nguồn: Tapchicongsan.vn***

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**IV. Kỷ niệm 63 năm Ngày Bác Hồ về thăm Cao Bằng *(20/02/1961 – 20/02/2024)***

Sau 30 năm bôn ba nước ngoài để tìm con đường cứu nước, trưa ngày 28/1/1941 Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí cán bộ cách mạng đã đi qua cột mốc 108 thuộc xóm Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng trở về tổ quốc trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Kể từ đó núi rừng Pác Bó, nhân dân Pác Bó đã giúp đỡ và bảo vệ Người cùng các đồng chí cán bộ hoạt động cách mạng trong những tháng ngày gian khó nhất.

Đến năm 1945 nhận thấy thời cơ tổng khởi nghĩa đã tới Người quyết định chuyển cơ quan đầu não cách mạng từ Pác Bó về Tân Trào - Tuyên Quang. Ngày 04/5/1945 lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lên đường rời Pác Bó đi Tân Trào - Tuyên Quang để triệu tập Quốc dân đại hội và phát lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn quốc. Kể từ ngày rời Pác Bó, Bác chưa lần nào có dịp về thăm. Tới năm 1961, sau 20 năm xa cách Bác mới có dịp về thăm lại mảnh đất Cao Bằng thân yêu. Trong chuyến về thăm Cao Bằng trong 03 ngày từ ngày 19 đến ngày 21/2/1961, Bác đã dành trọn ngày 20/2 để lên thăm lại Pác Bó.

Sáng ngày 20/2/1961 tức mùng 6 tết Tân Sửu, Bác Hồ cùng các đồng chí Tố Hữu, Nguyễn Khai, Lê Quảng Ba về thăm và chúc tết nhân dân Pác Bó. Bác cùng đoàn đi xe ô tô từ tỉnh ủy Cao Bằng lên đến Đôn Chương. Khi đấy, từ Đôn Chương vào làng Pác Bó đường gập ghềnh khó đi, xe ô tô không đi được. Đồng bào địa phương chuẩn bị ngựa cho Bác vào làng, nhưng Bác không lên ngựa ngay, Người đi bộ cùng đoàn thong dong ngắm cảnh vật hai bên đường, nơi đã chứng kiến những sự kiện lịch sử hào hùng của cách mạng.

Nghe tin Bác Hồ về thăm, nhân dân Pác Bó và đồng bào các dân tộc huyện Hà Quảng đều nô nức, xúng xính mặc những trang phục truyền thống, tập trung tại khu ruộng Nà Chang (xóm Pác Bó) cùng chờ Bác. Bác giản dị trong chiếc áo bông, cầm mũ đi trước vẫy chào bà con như người thân lâu ngày mới về thăm quê. Tới nơi, thấy đồng bào đón Bác đông đủ, vô cùng xúc động Bác hỏi:

- Bà con làm gì mà đông thế này?

- Đón Bác ạ! Năm mới chúc Bác mạnh khỏe ạ!

Bác nhìn mọi người xúc động nói: “Tôi về thăm nhà mà, sao phải đón tôi?"

Nghe Bác nói, đồng bào cảm động rưng rung nước mắt. Thật vậy, từ những ngày Bác sống, hoạt động cách mạng đã gắn bó sâu sắc với người dân, được sự giúp đỡ, bảo vệ của nhân dân Pác Bó, nhân dân Cao Bằng, Bác đã coi nơi đây như quê hương thứ hai của mình. Khái niệm quê hương của Bác không chỉ là nơi chôn rau cắt rốn mà còn là nơi cội nguồn cách mạng, nơi đã chứng kiến những sự kiện lịch sử hào hùng của cách mạng Việt Nam. Bác nói: “Trước đây Bác cùng các đồng chí trung ương hoạt động ở đây, đồng bào Pác Bó, đồng bào Hà Quảng rất tốt, tuy Bác không về thăm Pác Bó được nhưng Bác vẫn luôn nhớ về đồng bào Pác Bó, Bác chắc đồng bào Pác Bó cũng nhớ Bác, nhớ Đảng”. Sau buổi nói chuyện, nhân dân Pác Bó tặng Bác đôi giày vải. Trước tình cảm của người dân, Bác tặng nhân dân Pác Bó bức chân dung có chữ ký: Hồ Chí Minh 20/2/1961. Sau buổi nói chuyện Bác ghé thăm gia đình cụ Dương Văn Đình là cơ sở cách mạng mà trước đây Bác thường xuyên tới để tuyên truyền cách mạng trong quần chúng nhân dân thời gian còn hoạt động cách mạng tại Pác Bó.

Buổi chiều, Bác vào thăm khu vực đầu nguồn suối Lê Nin. Nhân dân Pác Bó mời Bác trồng khóm trúc vì theo quan niệm của đồng bào nơi đây cây trúc là cây tượng trưng cho sự trường thọ, nhân dân Pác Bó mong muốn Bác sẽ sống lâu muôn tuổi. Ngồi nghỉ tại khu vực đầu nguồn suối Lê Nin, Bác hồi tưởng lại hai mươi năm trước hoạt động cách mạng gian khổ tại Pác Bó, Bác làm bốn câu thơ:

*“Hai mươi năm trước ở nơi này,*

*Đảng vạch con đường đánh Nhật, Tây.*

*Lãnh đạo toàn dân ta chiến đấu,*

*Non sông gấm vóc có ngày nay.”*

Đó cũng là lần cuối Bác về thăm Pác Bó. Năm 1969, đài tiếng nói Việt Nam phát một tin dữ, Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị cha già của dân tộc, Ông Ké, Già Thu của núi rừng Pác Bó đã mãi mãi ra đi. Đồng bào Pác Bó lặng đi hướng về quảng trường Ba Đình, nơi Bác đã yên giấc ngàn thu. Nhân dân Pác Bó tổ chức lễ truy điệu cho Bác tại ngã ba Khuổi Nặm, đồng bào đều mặc bộ quần áo đại tang, bộ quần áo mà người dân tộc Tày, Nùng chỉ mặc khi trong gia đình có cha hoặc mẹ mất. Bác mất đi nhân dân đều mặc bộ quần áo này như đã coi Bác là người cha trong gia đình. Sau phút truy điệu mọi người dặn lòng như hứa với Bác nguyện sẽ đi theo con đường mà Bác đã lựa chọn. Kể từ ngày Bác mất, trong mỗi gia đình xóm Pác Bó bên cạnh bàn thờ lớn để thờ tổ tiên đều có một bàn thờ Bác Hồ. Hàng năm vào dịp tết đến xuân về đồng bào Pác Bó đều đến đầu nguồn suối Lê Nin xin nước để cầu mong năm mới nhiều tài lộc, nhiều may mắn. Đây cũng là dịp để người dân tưởng nhớ về Bác, nhớ về nơi cội nguồn cách mạng mà luôn cố gắng thực hiện những lời dạy của Người.



*Nguồn: Pacbo.vn*

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**V. Kỷ niệm 69 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam *(27/02/1955 – 27/02/2024)***

Ngày 27/02/1955, nhân dịptổ chức Hội nghị cán bộ y tế, Bác Hồ kính yêu đã gửi thư cho Hội nghị. Trong bức thư, Người căn dặn thầy thuốc nước ta: *“Lương y phải như từ mẫu”.* Từ đó, ngày này được xem là ngày tôn vinh các Y, Bác sỹ và những người đang làm việc trong ngành Y tế. Để ghi nhận sự cống hiến công lao to lớn và bày tỏ sự biết ơn đội ngũ thầy thuốc, Nhà nước ta đã lấy ngày 27/02/1955 là *“Ngày thầy thuốc Việt Nam”.*

Bức thư Bác viết được đăng ở Báo Nhân dân số ra ngày 27/02/1955, ngắn gọn chỉ có 368 từ, nhưng bức thư đã thể hiện ba nội dung chính đó là: Phải thật thà đoàn kết; Thương yêu người bệnh; Xây dựng nền y học nước nhà. Trong bức thư, trước tiên Bác Hồ đã căn dặn những người thầy thuốc phải biết đoàn kết với nhau *“Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết thì vượt được mọi khó khăn, giành được nhiều thành tích. Đoàn kết giữa cán bộ cũ và cán bộ mới. Đoàn kết giữa tất cả những người trong ngành Y tế, từ các Bộ trưởng, Thứ trưởng, Bác sỹ, Dược sỹ cho đến các anh chị em giúp việc…”.*

Và thật vậy, từ Trung ương đến cơ sở, những người thầy thuốc sẵn sàng đoàn kết giúp đỡ nhau để nâng cao tay nghề, kinh nghiệm và cả phương tiện điều trị chỉ với mục tiêu duy nhất vì sức khoẻ và tính mạng của con người. Đội ngũ thầy thuốc đã có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một số người đã trở thành Anh hùng lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân mà tên tuổi của họ gắn với các công trình y học và công lao cứu chữa người bệnh không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn nổi tiếng ở nước ngoài.

Phần tiếp của bức thư, Bác nói về y đức của người thầy thuốc đó là: *“Thương yêu người bệnh - Người bệnh phó thác tính mệnh của họ nơi các cô, các chú. Chính phủ phó thác cho các cô, các chú việc chữa bệnh tật và giữ gìn sức khoẻ cho đồng bào. Đó là nhiệm vụ rất vẻ vang”*. Trong lịch sử danh nhân y học Việt Nam, cũng có rất nhiều thầy thuốc, các bậc danh y bao giờ cũng có tâm cao, đức dày, y học tinh thông là tấm gương soi cho các thầy thuốc và cho mọi người.

Danh y Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác đã dạy: *“Không có nghề nào nhân đạo bằng nghề cứu người. Không có nghề nào vô nhân đạo bằng nghề y thiếu đạo đức”*. Bác Hồ kính yêu là một tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng. Tư tưởng của Người luôn coi đạo đức là gốc rễ của con người, của tài năng. Với các thầy thuốc, Bác càng đặc biệt chú ý hơn về đạo đức. Bác dặn: *“Người bệnh phó thác tính mệnh của họ nơi các cô, các chú. Chính phủ phó thác cho các cô, các chú việc chữa bệnh tật và giữ sức khoẻ cho đồng bào. Đó là một nhiệm vụ rất vẻ vang. Vì vậy, cán bộ cần phải thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, coi họ đau đớn cũng như mình đau đớn. Lương y như từ mẫu, câu nói ấy rất đúng”.*

Thực hiện lời dạy của Bác năm xưa, đội ngũ cán bộ y tế của nước ta từ Trung ương đến tận cơ sở, vùng sâu, vùng xa đã nỗ lực phấn đấu vượt lên mọi khó khăn gian khổ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, có hàng trăm cán bộ y tế đã hy sinh cho ngày độc lập. Trong thời đại hoà bình hiện nay, phát huy tính năng động sáng tạo, nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại, ngành Y tế nước ta tiếp tục ra sức cứu chữa đem lại sức khoẻ, hạnh phúc cho nhân dân; được Đảng, Nhà nước tin yêu, nhân dân quí mến. Nhiều cá nhân và tập thể được nêu gương điển hình tiên tiến, vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều Bằng khen và Huân chương cao quý.

Rất nhiều thầy thuốc đã nêu gương sáng cho chúng ta học tập cả về chuyên môn lẫn đức hạnh, như Giáo sư - Bác sỹ Tôn Thất Tùng, Tôn Thất Bách, Đặng Văn Ngữ, Phạm Ngọc Thạch, Vũ Đình Tụng, Đỗ Đức Vân, Đặng Văn Chung, Bác sỹ - Liệt sỹ Đặng Thuỳ Trâm… và còn biết bao nhiêu thầy thuốc, lương y, y sỹ, y tá, hộ lý khác trong hàng ngũ những “Anh hùng áo trắng” đã nêu gương sáng cho đời, mà chúng ta không thể kể hết được.

Đội ngũ thầy thuốc nước ta hiện nay vẫn luôn giữ được y đức và có y thuật cao, ngày đêm tận tuỵ vì sức khoẻ của nhân dân. Một số thầy thuốc còn tình nguyện hiến máu cứu chữa người bệnh, không nhận thù lao của bệnh nhân, giúp đỡ tiền để bệnh nhân nghèo chữa bệnh, có những người khám bệnh và cấp thuốc miễn phí cho dân nghèo… Hầu như địa phương nào cũng có những đợt y bác sỹ khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, cho đồng bào miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số… và các y, bác sỹ thực hiện đúng lời dạy của Bác *“Lương y phải như từ mẫu”.*

Đó còn là thắng lợi của những thầy thuốc Việt Nam trên mặt trận phòng chống, khống chế dịch bệnh thành công, không để bùng phát dịch lớn như: dịch cúm A (H5N1), (H1N1), SARS, dịch bệnh chân - tay - miệng ở trẻ em, Covid - 19… Nhiều chứng bệnh nguy hiểm đã được điều trị có hiệu quả, tỷ suất trẻ em sơ sinh chết và số ca tai biến sản khoa đều giảm rõ rệt; nhiều kỹ thuật tiên tiến đã được áp dụng không chỉ ở tuyến bệnh viện Trung ương mà còn được phổ biến đến các bệnh viện Tỉnh.

Trong thư Bác còn dặn ngành Y tế phải biết xây dựng một nền y tế thích hợp với nhu cầu của nhân dân ta. Y học cần phải dựa trên nguyên tắc: khoa học dân tộc và đại chúng. Ông cha ta ngày trước có nhiều kinh nghiệm quý báu về cách chữa bệnh bằng thuốc ta, thuốc bắc. Để mở rộng phạm vi y học, các cô, các chú cũng nên chú trọng nghiên cứu và phối hợp thuốc “Đông” và thuốc “Tây”. Và ngành Y tế nước ta ngày càng chứng tỏ lời dạy của Bác là thiết thực. Từ cơ sở đến Trung ương, mạng lưới y học nước ta đã góp phần rất lớn trong việc chăm sóc sức khoẻ nhân dân, kết hợp chặt chẽ và có hiệu quả giữa Đông - Tây y chữa trị thành công rất nhiều thứ bệnh và ngày càng tạo được sự tin tưởng trong nhân dân.

Tuy đã trải qua hơn nữa thế kỷ, mỗi lần chúng ta nhắc đến lời dạy của Bác Hồ trong lá thư tưởng chừng như đơn sơ, mộc mạc, nhưng nó mang đậm tính triết lý sâu xa, tính khoa học xã hội nhân văn sâu sắc và có ý nghĩa chính trị - xã hội rộng lớn, thiết thực đủ để các thầy thuốc Việt Nam phải nghĩ suy, học tập và tu dưỡng, tận tuỵ hơn nữa với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân trong hiện tại và tương lai, xứng đáng với sự tôn vinh của Đảng, Nhà nước và nhân dân, thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ kính yêu *“Lương y phải như từ mẫu”./.*

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***